

Bản án số: 28/2019/KDTM-ST

Ngày: 11/11/2019

Về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng
dịch vụ Logistics*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ Logistics*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2019/QĐST – KDTM ngày 25/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH DT L (VN);

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà D, Đường N, phường, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông David Michel V, sinh năm: 1971;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: L12/13, tầng 12, tòa nhà V, phường B, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019)

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên OT;

Địa chỉ trụ sở: Số 31, , khu dân cư A, phường A , TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1978. Chức danh: Giám đốc.

Nơi cư trú: M3/8, khu phố A, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Th có mặt, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Trung Th trình bày:***

Vào 25/12/2016, giữa Công ty TNHH DT L (VN) (sau đây gọi tắt là Công ty DT L VN) và Công ty TNHH MTV OT(sau đây gọi tắt là OT) có ký kết Hợp đồng dịch vụ giao nhận (sau đây gọi tắt là Hợp đồng dịch vụ) theo đó Công ty OT đồng ý giao cho Công ty DT L VN làm đại diện vận chuyển hàng hóa đến các địa điểm mà Công ty OT yêu cầu.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ, Công ty DT L VN đã nhiều lần vận chuyển hàng hóa đến các địa điểm theo yêu cầu của OT.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trong năm 2018 có 03 lô hàng đã được Công ty DT L VN vận chuyển hoàn tất theo yêu cầu của OT, nhưng đến nay Công ty OT vẫn chưa thanh toán các khoản phí liên quan cho Công ty DT L VN. Cụ thể là các lô hàng sau đây:

1. Lô hàng vận chuyển bằng đường biển từ Tp. Hồ Chí Minh đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ theo vận tải đơn số VNSE18010043 ngày 29/01/2018, số tiền còn nợ: 209.471.322 đồng (Theo 02 hóa đơn GTGT số 0001002 và số 0001003 ngày 12/4/2018).

2. Lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không từ sân bay Tân Sơn Nhất – Tp.HCM đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ theo vận tải đơn số 001SGN76041593/VNAE1800008 ngày 12/02/2018, số tiền dịch vụ là: 63.891.647 đồng (Theo 02 hóa đơn GTGT số 0000850 & 0000851 ngày 28/02/2018).

3. Lô hàng vận chuyển bằng đường biển từ Tp. Hồ Chí Minh đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ theo vận tải đơn số VNSE18020034 ngày 19/02/2018, số tiền còn nợ: 177.406.572 đồng (Theo 03 hóa đơn GTGT số 0001117, số 0001118 và số 0001119 ngày 15/5/2018).

Theo thỏa thuận tại Điều 4.2 của Hợp đồng dịch vụ thì “*Hóa đơn GTGT phải được thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị thanh toán*”.

Tính đến thời điểm khởi kiện, các khoản tiền nêu trên đều đã quá hạn thanh toán, Công ty DT L VN đã nhiều lần liên hệ Công ty OT yêu cầu thanh toán các khoản tiền còn nợ nêu trên và Công ty OT cũng có hứa hẹn sẽ thanh toán sớm nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Sau khi nộp khởi kiện, đến ngày 01/02/2019 thì Công ty OT đã thanh toán xong cho Công ty DT L VN số tiền 63.891.647đ (phát sinh từ việc vận chuyển lô hàng ngày 12/02/2018). Nên Công ty DT L VN xin được rút một phần đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu về số tiền nợ gốc 63.891.647đ. Còn tiền lãi chậm trả phát sinh của lô hàng này thì Công ty OT chưa trả, nay Công ty DT L VN tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Công ty DT L VN yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Công ty OT phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Thanh toán cho Công ty DT L VN số tiền nợ gốc là 386.877.894đ và thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh từ khoản nợ nêu trên, tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 11/11/2019 với mức lãi suất nợ quá hạn là 01%/tháng với số tiền lãi là 68.379.792 đồng.

- Công ty OT phải trả số tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh từ việc vận chuyển lô hàng theo vận tải đơn số 001SGN76041593/VNAE1800008 ngày 12/02/2018. Thời gian tính lãi (từ ngày 29/3/2018 đến ngày 31/01/2019) theo mức lãi suất nợ quá hạn là 01%/tháng, tương đương số tiền là 6.580.840đ.

Tổng số tiền Công ty DT L VN yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Công ty OT phải trả cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 461.838.526 đồng (trong đó tiền nợ gốc 386.877.894đ và tiền lãi là 74.960.632đ).

*** Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến ngày 29/4/2019, biên bản làm việc ngày 25/6/2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông Nguyễn Đình T trình bày:**

Về nội dung vụ việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ L theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 của Công ty DT L VN, bên bị đơn Công ty OT xác định chỉ mới nhận được bản thảo của Hợp đồng dịch vụ từ Công ty DT L VN, đến thời điểm phát sinh tranh chấp thì vẫn còn nhiều điều khoản hai bên chưa thỏa thuận xong như: thời hạn công nợ, phạt chậm thanh toán, bồi thường mất mát hư hỏng trong quá trình vận chuyển, giá cung cấp dịch vụ... Do đó, bản Hợp đồng dịch vụ đề ngày 25/12/2016 chưa có sự ký kết chính thức giữa hai bên. Các dịch vụ vận chuyển phát sinh chủ yếu được xác lập qua báo giá từng vụ việc.

Việc Công ty OT giao hàng cho Công ty DT L VN thực hiện dịch vụ vận chuyển cho bên thứ ba là dựa trên sự thỏa thuận giữa nhân viên xuất nhập khẩu của Công ty OT với Công ty DT L VN thông qua điện thoại hoặc thư điện tử của nhân viên xuất nhập khẩu mà chưa được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật của OT. Sau khi nhận được yêu cầu thanh toán của Công ty DT L VN và quá

trình khai báo thuế thì Công ty OT mới phát hiện trong hồ sơ xuất nhập khẩu hàng hóa của các lô hàng Công ty DT L VN vận chuyển không có bảng báo giá hoặc hóa đơn đặt hàng có sự phê duyệt của Giám đốc Công ty OT nhưng Công ty DT L VN vẫn vận chuyển hàng và xuất hóa đơn là không đúng quy trình của hoạt động xuất nhập khẩu.

Công ty OT xác nhận 02 lô hàng (*Lô hàng vận chuyển 29/01/2018 và lô hàng vận chuyển 19/02/2018*) mà Công ty DT L VN vận chuyển theo sự trình bày của nguyên đơn là đúng hàng hóa của Công ty OT và hàng hóa này đã được giao đúng cho bên thứ ba tại nước ngoài theo sự thỏa thuận giữa Công ty OT với bên thứ ba. Tuy nhiên, theo sự phản ánh của bên nhận hàng tại nước ngoài thì hàng bị móp méo phải đóng gói và kiểm tra lại toàn bộ lô hàng, nên bên thứ ba đã trừ lại các chi phí này buộc Công ty OT phải chịu mà lỗi này là do bên vận chuyển. Sau đó Công ty OT có gửi email phản hồi lại tình trạng chất lượng giao hàng cho bên Công ty DT L VN và Công ty DT L VN có gửi email phản hồi thừa nhận lỗi này. Tuy nhiên, tại thời điểm thông báo hai bên chưa tổng hợp được các chi phí khắc phục, nên chưa xác định được cụ thể mức thiệt hại.

Nay Công ty DT L VN khởi kiện Công ty OT yêu cầu thanh toán số tiền dịch vụ của các lô hàng trên với tổng số tiền là 461.838.526 đồng (trong đó tiền nợ gốc 386.877.894đ và tiền lãi là 74.960.632đ). Tại phiên tòa, ông T đại diện cho Công ty OT không đồng ý, bởi những lý do sau:

Giữa Công ty DT L VN và Công ty OT không có hợp đồng dịch vụ giao nhận ngày 25/12/2016; Việc Công ty DT L VN vận chuyển hàng hóa của Công ty OT là dựa trên sự cầu kết giữa nhân viên giao nhận của Công ty OT và nhân viên xuất nhập khẩu của Công ty DT L VN, cho đến nay số hàng hóa của Công ty OT mà các nhân viên làm thủ tục giao nhận không biết là đã được vận chuyển cho bên thứ ba (khách hàng của OT) hay chưa.

Về tiền lãi chậm thanh toán mà Công ty DT L VN yêu cầu là không có căn cứ, bởi các bên không có hợp đồng nên không có cơ sở để tính lãi.

Đối với số tiền 63.891.647đ của lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không trước đây đã thanh toán cho Công ty DT L VN là do tình cảm giữa ông T với người đại diện theo pháp luật bên Công ty DT L VN đã biết nhau và có mối quan hệ làm ăn với nhau trong lĩnh vực xuất nhập khẩu từ năm 2016. Số tiền thanh toán nêu trên là tiền của cá nhân ông T chứ không phải tiền của OT.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để hòa giải, nhưng người đại diện của bị đơn không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các bên đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định Công ty OT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí dịch vụ vận chuyển cho Công ty DT L VN.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty DT L VN, buộc Công ty OT phải thanh toán số tiền nợ gốc của 02 lô hàng vận đơn số VNSE 18010043 ngày 29/01/2018 và vận đơn số VNSE 18020034 ngày 19/02/2018 có tổng trị giá là 386.877.894đ (*Ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng*) và tiền lãi suất chậm trả đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm; thanh toán tiền lãi suất chậm trả của vận đơn số 001SGN76041593/VNVNNAE 1800008 ngày 12/02/2018 từ sau 30 ngày nguyên đơn xuất hóa đơn (28/02/2018) đến ngày bị đơn thanh toán xong (01/02/2019).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu số tiền gốc 63.891.657 đồng của vận đơn số 001SGN76041593/VNVNNAE 1800008 ngày 12/02/2018 mà nguyên đơn đã có đơn xin rút tại phiên tòa.

- Về án phí KDTM-ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên Công ty OT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đình T – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty OT đề nghị xin được hoãn phiên tòa để nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, xét thấy:

Vào ngày 22/10/2019 ông Nguyễn Đình T đã có đơn xin hoãn phiên tòa dự kiến mở ngày 25/10/2019 với lý do bận công tác và xin chuyển sang một ngày khác để ông có điều kiện tham gia trình bày quan điểm của bị đơn tại phiên tòa, với yêu cầu này của ông T, Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/10/2019, đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 11/11/2019.

Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù bên bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc bị kiện và nhiều lần được Tòa án triệu tập, thông báo về các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bên bị đơn đều tìm cách trì hoãn, kéo dài và cũng không xuất trình được giấy tờ, tài liệu nào về việc yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn để Tòa án xem xét. Nay tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn lại đề nghị hoãn phiên tòa để nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, xét thấy đề nghị hoãn phiên tòa của người đại diện bên bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, bị đơn là Công ty OT có trụ sở tại địa chỉ: số 31, khu dân cư A, phường A, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Công ty DT L VN khởi kiện Công ty OT đến Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa là nơi bị đơn có trụ sở để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại **khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các bên đương sự trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét thấy, tranh chấp giữa Công ty DT L VN và Công ty OT là tranh chấp phát sinh trong hoạt động dịch vụ L giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ **khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 233 Luật Thương mại 2005**, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ Logistics*”.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa, xét thấy:

Nguyên đơn khẳng định: Công ty DT L VN và Công ty OT có ký kết Hợp đồng dịch vụ giao nhận (sau đây gọi tắt là Hợp đồng dịch vụ, theo đó Công ty OT đồng ý giao cho Công ty DT L VN làm đại diện vận chuyển hàng hóa đến địa điểm mà Công ty OT yêu cầu; Giá trị hợp đồng chi tiết theo bảng chào giá của từng lô hàng. Bản thảo của hợp đồng này nguyên đơn soạn và gửi cho bị đơn qua thư điện tử vào ngày 07/3/2018. Đến ngày 16/3/2018, bị đơn có gửi cho nguyên đơn qua email bản scan hợp đồng đã được ông Nguyễn Đình T – Giám đốc Công ty OT ký tên và đóng dấu. Bản gốc của hợp đồng này đến nay bị đơn vẫn giữ và không chuyển cho nguyên đơn để hoàn tất việc ký tên, đóng dấu. Nhưng với việc Giám đốc Công ty OT ký tên và đóng dấu vào bản hợp đồng này thì xem như bị đơn đã đồng ý ký kết hợp đồng và không có ý kiến phản đối.

Bị đơn Công ty OT xác định: Bên bị đơn chỉ mới nhận được bản thảo của Hợp đồng dịch vụ từ Công ty DT L VN, đến thời điểm phát sinh tranh chấp thì

vẫn còn nhiều điều khoản hai bên chưa thỏa thuận xong như: thời hạn công nợ, phạt chậm thanh toán, bồi thường mất mát hư hỏng trong quá trình vận chuyển, giá cung cấp dịch vụ.... Do đó, bản Hợp đồng dịch vụ đề ngày 25/12/2016 chưa có sự ký kết chính thức giữa hai bên. Các dịch vụ vận chuyển phát sinh chủ yếu được xác lập qua báo giá từng vụ việc.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và qua sự thừa nhận của ông Nguyễn Đình T – Giám đốc Công ty OT tại biên bản làm việc ngày 25/6/2019 và tại phiên tòa, ông T xác định chữ ký của giám đốc và con dấu đóng vào bản Hợp đồng dịch vụ giao nhận đề ngày 25/12/2016 cho Công ty DT L VN là đúng chữ ký của ông và đúng là con dấu của OT. Việc Công ty OT không gửi bản gốc của bản hợp đồng này cho Công ty DT L VN ký tên, đóng dấu chỉ là thủ tục để hoàn chỉnh văn bản. Mặc dù tại Tòa án Công ty OT không công nhận bản hợp đồng ngày 25/12/2016, nhưng về mặt thực tế từ ngày 29/01/2018 đến ngày 19/02/2018 Công ty DT L VN đã thực hiện dịch vụ vận chuyển 03 lô hàng của Công ty OT để giao hàng cho bên thứ ba tại nước ngoài theo yêu cầu của Công ty OT là đúng sự thật, cụ thể:

+ Lô hàng thứ nhất, vận chuyển bằng đường biển từ Tp. Hồ Chí Minh đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ (theo vận tải đơn số VNSE18010043 ngày 29/01/2018).

+ Lô hàng thứ hai, vận chuyển bằng đường hàng không từ sân bay Tân Sơn Nhất – Tp.HCM đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ (theo vận tải đơn số 001SGN76041593/VNAE1800008 ngày 12/02/2018)

+ Lô hàng thứ ba, vận chuyển bằng đường biển từ Tp. Hồ Chí Minh đến cảng Minneapolis – Hoa Kỳ (theo vận tải đơn số VNSE18020034 ngày 19/02/2018).

Dịch vụ trên phát sinh chủ yếu được xác lập qua báo giá từng vụ việc thông qua trao đổi bằng điện thoại hoặc thư điện tử (email) giữa nhân viên giao nhận (nhân viên xuất nhập khẩu) của hai bên. Hoạt động dịch vụ này theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn thực tế đã được diễn ra từ năm 2016, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được xem như một thói quen trong hoạt động thương mại, do đó có giá trị hiệu lực đối với các bên.

Quá trình làm việc tại tòa án ông T cũng thừa nhận các lô hàng mà Công ty DT L VN thực hiện dịch vụ vận chuyển là đúng hàng hóa của Công ty OT và hàng hóa này đã được giao đúng cho bên thứ ba tại nước ngoài theo địa chỉ do Công ty OT cung cấp, nên có căn cứ xác định Công ty DT L VN đã thực hiện xong dịch vụ cho OT. Thực tế trong 03 lô hàng mà Công ty DT L VN đã làm đại diện vận chuyển thì có 01 lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không ngày 12/02/2018, Công ty OT đã thanh toán xong phí dịch vụ cho Công ty DT L VN vào ngày 01/02/2019 mà không có sự phản đối nào. Tại phiên tòa, ông T cho rằng vì tình

cảm quen biết với người đại diện bên Công ty DT L VN nên ông dùng tiền cá nhân của ông thanh toán cho Công ty DT L VN là không có căn cứ, bởi theo chứng từ giao dịch của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chính Kỳ Đồng ngày 01/02/2019 thể hiện thông tin người trả số tiền 63.891.647đ là Công ty TNHH OT chứ không phải của cá nhân ông T.

Vì vậy, đối với 02 lô hàng còn lại đến nay ông T cho rằng Công ty DT L VN thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng của Công ty OT là dựa trên sự cấu kết thỏa thuận giữa nhân viên xuất nhập khẩu của Công ty OT với nhân viên của Công ty DT L VN mà chưa được sự đồng ý của ông và từ chối không thanh toán phí dịch vụ của 02 lô hàng này là không có căn cứ. Việc ông T cho rằng nhân viên Công ty OT cấu kết với nhân viên của Công ty DT L VN để thực hiện dịch vụ, xét thấy đây là lĩnh vực quản lý nội bộ của Công ty, việc phân công nhiệm vụ của từng nhân viên trong Công ty thực hiện công việc cụ thể như thế nào là thẩm quyền của người quản lý của OT, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, ông T còn cho rằng 02 lô hàng vận chuyển bằng đường biển (ngày 29/01/2018 và 19/02/2018), theo sự phản ánh của bên nhận hàng tại nước ngoài thì hàng bị móp méo phải đóng gói và kiểm tra lại toàn bộ lô hàng, nên bên thứ ba đã trừ lại các chi phí này buộc Công ty OT phải chịu mà lỗi này là do bên vận chuyển, nhưng Công ty OT không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Trường hợp, nếu Công ty OT cho rằng hàng hóa bị thiệt hại là do lỗi của Công ty DT L VN thì Công ty OT có quyền khiếu nại trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày Công ty DT L VN giao hàng cho người nhận hoặc có quyền khởi kiện tại Trọng tài thương mại hoặc Tòa án trong thời hạn chín tháng, kể từ ngày giao hàng, theo quy định tại Điều 237 Luật Thương mại năm 2005. Tuy nhiên, đến nay Công ty OT cũng không cung cấp được tài liệu, chứng minh về việc thiệt hại, cũng như tài liệu, chứng cứ về việc khiếu nại hoặc khởi kiện Công ty DT L VN như đã nêu trên, nên không có cơ sở xem xét.

Tại Khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại năm 2005, quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ *Logistics* như sau:

“đ) Thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics không nhận được thông báo về khiếu nại trong thời hạn mười bốn ngày, kể từ ngày thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics giao hàng cho người nhận;

e) Sau khi bị khiếu nại, thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics không nhận được thông báo về việc bị kiện tại Trọng tài hoặc Tòa án trong thời hạn chín tháng, kể từ ngày giao hàng”.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty DT L VN, xét thấy:

Số tiền chi phí dịch vụ 63.891.647 đồng (Theo 02 hóa đơn GTGT số 0000850 & 0000851 ngày 28/02/2018) của lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không. Vào ngày 01/02/2019, Công ty OT đã thanh toán xong khoản tiền nợ này cho Công ty DT L VN, tại phiên tòa Công ty DT L VN đã có đơn rút một phần

yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc nêu trên. Căn cứ **khoản 2 Điều 244** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về số tiền nợ 209.471.322 đồng (Theo 02 hóa đơn GTGT số 0001002 và số 0001003 ngày 12/4/2018) và 177.406.572 đồng (Theo 03 hóa đơn GTGT số 0001117, số 0001118 và số 0001119 ngày 15/5/2018) của hai lô hàng vận chuyển bằng đường biển ngày 29/01/2018 và 19/02/2018. Mặc dù, Công ty OT không thừa nhận công nợ, nhưng khi nhận được các hóa đơn giá trị gia tăng của từng lô hàng mà Công ty DT L VN đã cung cấp, Công ty OT cũng không có sự phản hồi nào hoặc khiếu nại gì đối với số tiền ghi trên các hóa đơn này. Căn cứ khoản 5 và Khoản 6 Điều 236 Luật Thương mại năm 2005, cần buộc Công ty OT phải thanh toán cho Công ty DT L VN số tiền phí dịch vụ còn nợ của 02 lô hàng chưa thanh toán, tổng cộng số tiền là 386.877.894đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng).

Về yêu cầu tiền lãi, xét thấy tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 63.891.647đ (từ 29/3/2018 đến 31/01/2019), Công ty OT chưa thanh toán, cũng như tiền lãi của khoản nợ 368.877.894đ Công ty OT chưa thanh toán. Do đó, Công ty DT L VN yêu cầu Công ty OT phải trả tiền lãi do chậm thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Về mức lãi suất xét thấy, Công ty DT L VN chỉ yêu cầu Công ty OT thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 01%/tháng (0,033%/ngày). Nhận thấy, mức lãi suất này thấp hơn so với mức lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng (Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai) tại thời điểm thanh toán, là có lợi cho OT, nên chấp nhận mức lãi suất này. Do đó, tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau:

Stt	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Số tiền nợ (đồng)	Ngày bắt đầu tính lãi	Tính lãi đến ngày	Số ngày tính lãi	Mức lãi suất (%/ngày)	Tiền lãi (đồng)
	0000850	28/02/2018	62.335.203	29/03/2018	31/01/2019	309	0,033	6.420.526
2	0000851	28/02/2018	1.556.444	29/03/2018	31/01/2019	309	0,033	160.314
3	0001002	12/4/2018	7.395.355	17/05/2018	11/11/2019	544	0,033	1.341.024
4	0001003	12/4/2018	202.075.967	17/05/2018	11/11/2019	544	0,033	36.643.109
5	0001117	5/05/2018	7.398.600	16/06/2018	11/11/2019	514	0,033	1.267.627
6	0001118	5/05/2018	75.969.600	16/06/2018	11/11/2019	514	0,033	13.016.125

7	0001119	5/05/2018	94.038.372	16/06/2018	11/11/2019	514	0,033	16.111.908
Tổng tiền lãi:								74.960.632

Như vậy, cần buộc Công ty OT có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty DT L VN số tiền lãi là 74.960.632đ (*Bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng*).

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty OT phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH DT L (VN) số tiền 461.838.526đ (*Bốn trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Trong đó: **Tiền nợ gốc là 386.877.894đ** (*Ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng*; **tiền lãi là 74.960.632đ** (*Bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng*).

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ **Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự**; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Công ty OT phải chịu án kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty DT L VN.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 2 Điều 244**; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ **Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015**; Điều 233, 335, 336, 337 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ **Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự**; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH DT L (VN) đối với Công ty TNHH MTV OT về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ Logistics*”.

1. Buộc Công ty TNHH Một thành viên OT có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH DT L (VN) số tiền 461.838.526đ (Bốn trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng).

Trong đó: Tiền nợ gốc là 386.877.894đ (Ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng; tiền lãi là 74.960.632đ (Bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

2. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên OT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 22.473.500 đồng (Hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả Công ty TNHH DT L (VN) 11.695.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004062 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về việc thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (2).

(đã ký)

Trần Văn Hùng

